

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/DSST  
Ngày: 30/6/2023  
V/v tranh chấp **hợp đồng tín dụng**.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Thanh Nhàn;**
- Bà Phan Thị Nga.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi, **Kiểm sát viên.**

**Ngày 30 tháng 6 năm 2023** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “**Hợp đồng tín dụng**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **249/2023/QĐXXST-DS**, ngày **26 tháng 5 năm 2023** và Quyết định hoãn phiên tòa số **397/2023/QĐST-DS**, ngày **12 tháng 6 năm 2023**, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; trụ sở: số 130 Phan Đ, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ: ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T là Ông Phạm Hữu Th - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch C (theo quyết định số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022).

**Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Hữu Th:** Ông Nguyễn Hữu Th1, sinh năm 1991; địa chỉ: 6A, N, khóm L, thị trấn C, huyện C,

tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền (theo quyết định ngày 03/01/2023) (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã Tr, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Ngô Ngọc D, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A, xã Tr, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt);

3.2. Bà Trần Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp A, xã Tr, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt);

3.3. Hội Liên hiệp phụ nữ xã A, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ: ấp A, xã Tr, huyện C, tỉnh An Giang (Có ý kiến xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th1 trình bày*: Vào khoảng tháng 02/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ (gọi tắt Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp với bà Nguyễn Thị N (theo Hợp đồng số 00736620/0135542601T18084), với số tiền phát vay 20.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận: trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức trả: định kỳ Ngân hàng góp vốn và lãi hàng tháng được thực hiện liên tục 12 kỳ, cụ thể: 11 kỳ mỗi kỳ trả 1.840.000 đồng, kỳ cuối trả 1.760.000 đồng. Việc cho vay không có biện pháp bảo đảm, nhưng Ngân hàng có ký thỏa thuận liên kết ngày 18/4/2017 giữa Ngân hàng với Hội Liên hiệp phụ nữ xã A và Ủy ban nhân dân xã A với nội dung phối hợp triển khai sản phẩm cho vay trả góp đối với khách hàng là cá nhân chịu sự quản lý của Hội Liên hiệp phụ nữ xã A, bên cạnh đó Hội Liên hiệp phụ nữ xã A sẽ phối hợp với Ngân hàng trong việc hỗ trợ Ngân hàng thu hộ tiền vốn góp của khách hàng và Ngân hàng sẽ hỗ trợ 10%/tổng số tiền lãi thực thu.

Trên cơ sở ký liên kết, đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ xã A có gửi cho Ngân hàng Giấy ủy quyền ngày 22/01/2018 về việc phân công bà Trần Thanh T là Tổ trưởng tổ vay vốn phụ trách góp vốn và lãi hàng tháng của các khách hàng, trong đó có bà Nguyễn Thị N, sau đó bà T giao nộp lại cho Ngân hàng và Ngân hàng trả tiền hoa hồng cho bà T sau mỗi đợt thanh lý.

Qua rà soát đối chiếu trên hệ thống bà N **nợ Ngân hàng** 03 kỳ cuối với **số tiền vốn 5.286.152 đồng**, từ đó Ngân hàng đã chuyển các khoản **nợ này sang nợ quá hạn**. Tuy nhiên, qua lời khai tại Tòa án của bà Trần Thanh T là Tổ trưởng tổ vay vốn phụ trách góp vốn và lãi hàng tháng của các khách hàng trong đó có bà Nguyễn Thị N thì trong 03 kỳ cuối, bà N

có nộp cho bà T 01 kỳ vốn và lãi vào tháng 10, nhưng bà T chưa giao nộp cho Ngân hàng và bà T đồng ý thực hiện nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị N 01 kỳ với số tiền vốn và lãi 1.840.000 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng 02 kỳ cuối còn nợ với số tiền vốn là 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn 5.302.732 đồng (tạm tính đến ngày 28/4/2023). **Tổng cộng 8.902.732 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/4/2023 đến ngày bà N thực hiện trả hết nợ.**

**Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ thì ông Ngô Ngọc D phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị N cho đến khi hết nợ vay.**

Ngân hàng rút yêu cầu đối với số tiền vốn và lãi cũng như phí duy trì thẻ thường niên đối với bà N là 7.633.318 đồng.

Tại văn bản xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2023, Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu Th1 yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng 02 kỳ cuối còn nợ với số tiền vốn là 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 5.420.167 đồng **và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 01/7/2023 đến ngày bà N thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng.**

**Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ thì ông Ngô Ngọc D phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị N cho đến khi hết nợ vay.**

Ngân hàng rút yêu cầu đối với số tiền vốn và lãi trong hạn, quá hạn, cũng như phí duy trì thẻ thường niên đối với bà Nguyễn Thị N là 7.633.318 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Ngọc D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà N vắng mặt N Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

*Tại các biên bản làm việc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thanh T trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của Ngân hàng. Bà là Tổ trưởng tổ vay vốn phụ trách thu vốn và lãi hàng tháng của các khách hàng là bà Nguyễn Thị N, sau đó bà giao nộp lại cho Ngân hàng và Ngân hàng trả tiền hoa hồng cho bà sau mỗi đợt thanh lý. Quá trình thực hiện, bà đã thực hiện việc thu vốn, lãi hàng tháng của bà Nguyễn Thị N 10 kỳ, nhưng bà giao nộp cho Ngân hàng được 09 kỳ, còn nợ Ngân hàng 01 kỳ số tiền vốn 1.840.000 đồng. Nay đối với yêu cầu của Ngân hàng đối với bà N, bà đồng ý trả cho Ngân hàng thay cho bà N 01 kỳ số tiền 1.840.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Trần Thanh T vắng mặt.

*Tại các biên bản làm việc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Quách Phương P, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã A trình bày:* Vào khoảng tháng 2/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt Ngân hàng) có triển khai sản phẩm cho vay trả góp đối với các khách hàng là cá nhân thuộc tổ vay vốn ấp An Tịnh, xã An Thạnh Tr, trong đó có cá nhân bà Nguyễn Thị N, ngụ ấp A, xã Tr. Cụ thể, Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp với các hộ dân (trong đó có bà N) với số tiền phát vay cho từng khách hàng 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hình thức trả định kỳ Ngân hàng góp vốn và lãi hàng tháng được thực hiện liên tục 12 kỳ, Ngân hàng có gửi bảng chi tiết số tiền các hộ dân phải nộp. Trên cơ sở đó, Hội Liên hiệp phụ nữ xã A có ký thỏa thuận liên kết với Ngân hàng để phối hợp trong việc hỗ trợ Ngân hàng thu hộ tiền vốn góp của khách hàng và Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho Hội liên hiệp phụ nữ xã 10%/tổng số tiền lãi thực thu. Việc hưởng huê hồng này Ngân hàng sẽ chi cho Hội Liên hiệp phụ nữ xã sau khi kết thúc thời hạn vay và các hộ dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi cho Ngân hàng.

Để thuận tiện cho việc thu vốn lãi hàng tháng và giao nộp cho Ngân hàng Hội liên hiệp phụ nữ xã có ủy quyền (có ủy quyền bằng văn bản) cho tổ trưởng tổ vay vốn là bà Trần Thanh T, ngụ ấp A thực hiện việc thu vốn, lãi giao nộp cho Ngân hàng. Quá trình thực hiện, Ngân hàng có thông báo việc bà T thu tiền của một số hộ dân nhưng không giao nộp cho Ngân hàng, Hội phụ nữ có phối hợp với Ngân hàng đến ấp A để gặp bà T, sau đó giữa bà T với Ngân hàng có đưa ra một số giải pháp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Hiện nay, đối với số nợ của bà Nguyễn Thị N, cũng như bà T có thu nợ của bà N nhưng không nộp cho Ngân hàng như thế nào thì Hội phụ nữ không nắm rõ. Đối với khoản huê hồng ký theo thỏa thuận liên kết thì Hội Liên hiệp phụ nữ xã A chưa nhận, do một số hộ dân ấp A vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng. Do Hội liên hiệp phụ nữ xã không nhận huê hồng N cũng không trả huê hồng cho bà T là tổ trưởng tổ vay vốn theo giấy ủy quyền.

Nay đối với việc Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị N, Hội liên hiệp phụ nữ xã không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Do bận công việc N đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải, đối chất và xét xử.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu:* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét

xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.
- Buộc bà Nguyễn Thị N trả số tiền vốn vốn là 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn 5.420.167 đồng (tạm tính đến ngày 30/6/2023) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/7/2023 đến ngày bà N thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn. Trường hợp bà N không thực hiện đúng và đầy đủ thì ông Ngô Ngọc D phải trả nợ thay cho bà N.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền vốn và lãi cũng như phí duy trì thẻ thường niên là 7.633.318 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị N. Bà N có nơi cư trú ấp A, xã Tr, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ tranh chấp số tiền từ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bị đơn bà Nguyễn Thị N. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp về Hợp đồng dân sự, cụ thể Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Quách Phương P là người đại diện hợp pháp của Hội Liên hiệp phụ nữ xã A có ý kiến xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Ngọc D, bà Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà N, ông D và bà T vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là có căn cứ.

[4] Tại văn bản xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2023, Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu Th1 yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng 02 kỳ cuối còn nợ với số tiền vốn là 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 5.420.167 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 01/7/2023 đến ngày bà N thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng rút yêu cầu đối với số tiền vốn và lãi trong hạn, quá hạn, cũng như phí duy trì thẻ thường niên đối với bà Nguyễn Thị N là 7.633.318 đồng. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của Ngân hàng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng 02 kỳ cuối còn nợ với số tiền vốn là 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 5.420.167 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng và triệu tập bà N tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà N vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, được xem là từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng đưa ra và Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5.1] Xét thấy, theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện Hợp đồng tín dụng số 00736620/0135542601T18084 ngày 01/02/2018 được xác lập giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đông Á với bà Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, N đây là Hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bà N không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện bà N yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng với số tiền nợ gốc 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 5.420.167 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 9.020.167 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[5.2] Đối với yêu cầu **tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 01/7/2023 đến ngày bà N thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng**. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán N phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà N thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[5.3] Về quan hệ bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho người vay, nhận thấy tại thời điểm bà N vay tiền của Ngân hàng, ông Ngô Ngọc D và Ngân hàng có xác lập quan hệ bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N được thể hiện **tại văn bản “Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn”**. Theo đó, ông D cam kết trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông Ngô Ngọc D sẽ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị N cho đến khi hết nợ vay. Như vậy, nghĩa vụ bảo lãnh được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Ngô Ngọc D có trách nhiệm trả **nợ thay cho bà Nguyễn Thị N cho đến khi hết nợ trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng**.

[5.4] Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh T, Hội Liên hiệp phụ nữ xã A, trong quá trình giải quyết, các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án, Ngân hàng cũng không có yêu cầu đối với bà T và Hội Liên hiệp phụ nữ xã A, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà **Nguyễn Thị N** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc 3.523.075 đồng, lãi trong hạn 76.925 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 5.420.167 đồng. Tổng cộng vốn và lãi **9.020.167 (chín triệu, không trăm hai mươi nghìn, một trăm sáu mươi bảy) đồng.**

Kể từ ngày 01/7/2023, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 00736620/0135542601T18084 ngày 01/02/2018 cho đến khi bà Nguyễn Thị N **thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng.**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu ông Ngô Ngọc D thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị N **cho đến khi hết nợ vay**, trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với số tiền 7.633.318 (**bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm mười tám**) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 451.008 (**bốn trăm năm mươi một nghìn, không trăm không tám**) đồng, bà Nguyễn Thị N phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng giao dịch C đại diện nhận) tiền tạm ứng án phí đã nộp 413.000 (**bốn trăm mười ba nghìn**) đồng, theo biên lai thu số 0012974 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 05 tháng 12 năm 2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**







